

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CM  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2022/HN-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Đức**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Phụng**

2. Ông **Võ Lâm Sơn**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:*

Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “**Ly hôn và nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị H N**, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 15, tổ 01, ấp Đông Châu, xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn V T**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H N trình bày, bà và ông Nguyễn V T quen biết và sống chung vào năm 2018, có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng nghiện hút, chửi bới, đánh đập bà. Ông T không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống với bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thắm, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trước khi kết hôn với bà, ông T đã có 01 con riêng tên Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 19/6/2008, hiện đang sống chung với mẹ ông T là Hồ Thị Em, bà đồng ý để ông T, bà Em tiếp tục nuôi cháu Thiệu và không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn V T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của bà Trương Thị H N và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng ông T vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn V T trình bày, thừa nhận thời gian vợ chồng kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng không mâu thuẫn gì, nhưng do ông nghiện ma túy nên vợ xin ly hôn, hiện ông đã cai nghiện xong. Vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay. Nay vợ xin ly hôn, ông đồng ý. Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống với bà N. Ông đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, ông không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông có 01 con riêng tên Nguyễn Văn Thiệu, sinh năm 2008 hiện đang sống với ông và mẹ là Hồ Thị Em, ông yêu cầu tiếp tục nuôi. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM về việc giải quyết vụ án:

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị H N với ông Nguyễn V T.

Về quan hệ con chung: Công nhận việc thỏa thuận về việc nuôi con giữa bà N, ông T. Bà N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống với bà N. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Trương Thị H N khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn V T có nơi cư trú ấp PT2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]- Về nội dung: Bà Trương Thị H N và ông Nguyễn V T sống chung vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo qui định. Vợ chồng sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T nghiện hút. Vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà N xin ly hôn, ông T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, bà N, ông T xác định tình cảm giữa hai người không còn, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc thuận tình ly hôn giữa bà N với ông T phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên công nhận việc thuận tình ly hôn này.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà N, ông T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thắm, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N hiện đang có công việc và thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Thắm. Bên cạnh đó, cháu Thắm chưa đủ 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, do đó việc bà N và ông T thỏa thuận việc nuôi con phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Riêng đối với cháu Thiệu là con riêng của ông T hiện đang sống chung ổn định với bà nội là Hồ Thị Em và ông T, bà N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà N, ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà **Trương Thị H N** với ông **Nguyễn V T**.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà N với ông T. Bà N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống với bà N. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Bà N** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà N, ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà N, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Trương Thị H N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004514 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Công Đức**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**